

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 19/2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,

giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; mẫu hồ sơ xây dựng dự án, kế hoạch sản xuất liên kết và lựa chọn dự án được liệu quý; định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng và dự án vùng trồng dược liệu quý."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện theo các Điều 7, 8, 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện theo các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đối với hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Đối với hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết và lựa chọn dự án được liệu quý

a) Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề lĩnh vực khác.

Thực hiện theo các Mẫu số 01, 02, 03 kèm theo Nghị quyết này, thống nhất áp dụng chung đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Đối với hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Mẫu thành phần hồ sơ đề xuất lựa chọn dự án: Thực hiện theo Mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Mẫu hồ sơ trong quy trình lựa chọn dự án: Thực hiện theo Mẫu B2.1, B2.2, B2.3, B2.4, B2.5, B2.6, B2.7, B2.8 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn phê duyệt dự án, kế hoạch sản xuất liên kết.

a) Bước 1: Thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

Cơ quan chủ quản hoặc cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc cơ quan chủ quản theo uỷ quyền thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

b) Bước 2: Xây dựng dự án, kế hoạch sản xuất liên kết.

Tùy theo từng chương trình cụ thể, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất phải đảm bảo các yêu cầu tại Khoản 2 Điều này.

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Số lượng hồ sơ gồm 01 bộ bản chính và 04 bộ bản chụp.

Đối với hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Số lượng bộ hồ sơ thực hiện theo Mẫu B2.1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch sản xuất liên kết.

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch sản xuất liên kết để cơ quan chủ quản chương trình xem xét thẩm định. Cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng. Thành phần Hội đồng phải đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Hội đồng tổ chức thẩm định. Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ (điểm c khoản 3 Điều 21). Trường hợp dự án

không đủ điều kiện thì trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, cơ quan chủ quản chương trình thông báo và nêu rõ lý do cho chủ trì liên kết được biết.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch sản xuất liên kết.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, nếu dự án đủ điều kiện thì Hội đồng thẩm định có Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

4. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

Xác định được kết quả về mức tăng thu nhập của đối tượng tham gia dự án, kế hoạch sản xuất liên kết; thuộc nội dung hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia; đơn vị chủ trì liên kết được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hỗ trợ của dự án, kế hoạch liên kết.

5. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án vùng trồng dược liệu quý.

a) Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 80% tổng kinh phí, nhưng không quá 05 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

b) Đối với địa bàn khó khăn: Hỗ trợ 70% tổng kinh phí, nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

c) Đối với địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư: Hỗ trợ 50% tổng kinh phí, nhưng không quá 02 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

d) Đối với dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, mức hỗ trợ không quá 60 tỷ đồng/dự án."

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 như sau:

"b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Thực hiện theo khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 4 như sau:

"c) Bước 3. Phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất. Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ."

c) Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào sau khoản 3 Điều 4 như sau:

"4. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

a) Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 95% tổng kinh phí, nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

b) Đối với địa bàn khó khăn: Hỗ trợ 80% tổng kinh phí, nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

c) Đối với địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư: Hỗ trợ 60% tổng kinh phí, nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng.

5. Tiêu chí lựa chọn hỗ trợ phương án sản xuất, dịch vụ cộng đồng.

Xác định được kết quả về mức tăng thu nhập của đối tượng tham gia dự án, phương án sản xuất cộng đồng; thuộc nội dung hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia; người đại diện do nhóm hộ trong cộng đồng lựa chọn."

Điều 2. Bãi bỏ Điều 5 của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Bãi bỏ Điều 5 của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2023.

2. Những nội dung khác của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Thị Quỳnh Vân